

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1126/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 25 - 7 - 2024  
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trịnh Hồng Hải**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**.
- Bà **Nguyễn Thị Tịnh Tâm**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Thúy Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà **Phùng Thị Ngọc D** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 510/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 268/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 184/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1973. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: 8/4 ấp Đ (nay là ấp Đ), xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Lê Thanh Q**, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

HKTT: 33/9F ấp Đ (nay là ấp Đ), xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:**

Sau một thời gian tìm hiểu, bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lê Thanh Q đã tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991, không có tổ chức lễ cưới và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 283, quyền số

01/2007 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/11/2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, sau đó thì bà T không còn cảm thấy hạnh phúc nữa. Nguyên nhân là do ông Q không lo làm ăn, thường xuyên gây nợ nần, cờ bạc, ngoại tình với phụ nữ khác, ông Q không chăm lo cho cuộc sống gia đình, ông Q thường xuyên xúc phạm, chửi bới đến danh dự, nhân phẩm bà T, vợ chồng bất đồng quan điểm. Bà T đã trả nợ thay cho ông Q suốt mấy năm nay. Bà T đã cố gắng hàn gắn, tha thứ cho ông Q nhưng ông Q không hề thay đổi. Chỉ từ khi bà T nộp đơn ly hôn thì ông Q mới bắt đầu quan tâm, hỏi han tới bà T. Bà T đã quyết định sống ly thân với ông Q từ mười mấy tháng đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã trở nên lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau, không thể hàn gắn trở về chung sống với nhau được. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Q.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà T và ông Q có 01 con chung tên Lê Nguyễn Anh T1, sinh ngày 14/8/1991. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

***Theo bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, bị đơn ông Lê Thanh Q trình bày:***

Về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn, ông Lê Thanh Q thống nhất với phần trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Do ông Q gây nợ nên không ở nhà và ông Q bà T không còn ở chung từ năm 2023 đến nay. Ông Q bà T đã bán nhà C ấp Đ, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã dọn về nhà mẹ sống tại địa chỉ 8 ấp Đ, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Q bà T không có mâu thuẫn nghiêm trọng, vẫn còn nói chuyện, liên lạc với nhau. Do đó, ông Q không đồng ý ly hôn với bà T vì ông Q muốn đợi con gái đi lấy chồng.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Q và bà T có 01 con chung tên Lê Nguyễn Anh T1, sinh ngày 14/8/1991. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:***

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ đúng quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng

quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Căn cứ các Điều 19 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T với bị đơn ông Lê Thanh Q là “Tranh chấp về ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại C ấp Đ (nay là ấp Đ), xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lê Thanh Q tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 283, quyền số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/11/2007 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lê Thanh Q là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Ngọc T xin được ly hôn với ông Lê Thanh Q do ông Q không lo làm ăn, thường xuyên gây nợ nần, cờ bạc, ngoại tình với phụ nữ khác, ông Q không chăm lo cho cuộc sống gia đình, ông Q thường xuyên xúc phạm, chửi bới đến danh dự, nhân phẩm bà T, vợ chồng bất đồng quan điểm. Bà T đã trả nợ thay cho ông Q suốt mấy năm nay. Bà T đã cố gắng hàn gắn, tha thứ cho ông Q nhưng ông Q không hề thay đổi. Chỉ từ khi bà T nộp đơn ly hôn thì ông Q mới bắt đầu quan tâm, hỏi han tới bà T. Bà T đã quyết định sống ly thân với ông Q từ đầu năm 2023 cho đến nay.

Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Quá trình giải quyết vụ án, ông Q có đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và có tham gia phiên hoà giải nhưng cả hai bên không thống nhất việc quay về đoàn tụ, đến giai đoạn vụ án được đưa ra xét xử thì ông Q không đến, không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh tình trạng hôn nhân của ông bà chưa đến mức phải ly hôn, không đến Tòa án và không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Như vậy, ông Q đã tự từ bỏ quyền

và nghĩa vụ được đưa ra chứng cứ để chứng minh, nên Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết vụ án theo các chứng cứ do nguyên đơn bà T đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án.

Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng bà T và ông Q đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà T và ông Q có 01 con chung tên Lê Nguyễn Anh T1, sinh ngày 14/8/1991. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự tự khai không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Lê Thanh Q.

1.2. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Anh T1, sinh ngày 14/8/1991. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự tự khai không có tài sản chung và nợ chung.

[2] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí

đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0024618, ký hiệu BLTU/23P ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[3] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TPHCM
- VKSND H. Hóc Môn;
- Chi cục THADS H. Hóc Môn;
- UBND xã Bà Điểm, H. Hóc Môn, TPHCM (GCNKH số 283, quyền số 01/2007, ngày 02/11/2007);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Hồng Hải**